TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 42/2017/HNGĐ - ST
Ngày 19/12/2017
V/v: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Chủ tịch MTTQ thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng; Ông Lê Đình Cự - Cán bộ hưu trí xã Đông Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2017/ TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Xuân M** sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D** sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 19/7/2017 và trong quá trình tố tụng anh Trần Xuân M trình bày:

Anh kết hôn với chị D vào năm 1992 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã U, Ê, Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D có nhiều lời nói, hành động xúc phạm anh và bố, mẹ anh. Vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế, một phần

do công việc anh hay đi làm về muộn, chính vì vậy chị hay sinh sự với anh, mỗi lần như vậy chị D lại bỏ nhà ra đi. Trong thời gian chung sống rất nhiều lần chị D bỏ nhà ra đi sau chị lại quay về, có lần chị D bỏ đi sáu tháng liền. Tuy nhiên khi chị D quay về, vì con anh vẫn tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị D vẫn không thay đổi. Đến khoảng tháng 7/2017 chị D lại tiếp tục bỏ nhà ra đi, anh có gọi điện bảo chị về nhưng chị D vẫn không về. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị D được nữa anh kiên quyết xin được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 03 con chung là Trần Thị L sinh năm 1993, Trần Thị L1 sinh 1998, và Trần Xuân L3 sinh ngày 02/8/2003. Ly hôn hai cháu lớn đã trưởng thành nên không phải nuôi dưỡng, anh xin được nuôi con Bình và không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận mải anh không thể có mặt tham gia phiên tòa nên anh xin được vắng mặt tại phiên tòa đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị kết hôn với Anh M do tự nguyện có đăng ký tại xã Tây Đô vào năm 1992. Do tìm hiểu không kỹ, Anh M lại dấu chị nên chị không biết trước khi kết hôn với chị, Anh M đã có quan hệ với một người phụ nữ khác và có 01 con ngoài giá thú. Sau khi chị về chung sống với Anh M do việc con riêng Anh M đi lại, có lần về tận nhà con gái lớn của vợ chồng chị định đánh mẹ con chị. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị đã cố gắng khắc phục để vợ chồng chung sống nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh M nhiều lần đánh đuổi, chửi bới chị, nói trả chị về nơi sản xuất. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Trong công việc làm ăn Anh M không bàn bạc với chị, đi làm tại quán cà phê, chị góp ý anh không nghe, bên cạnh đó Anh M còn chơi lô đề bị thua lỗ nặng. Vì vậy từ năm 2014 Anh M đi làm trả nợ tiền thua lô đề không mang tiền về chi tiêu cho gia đình.Từ 18/6/2017 vợ chồng mâu thuẫn đã sống ly thân.Tháng 8/2017 Anh M bắt chị phải làm thủ tục vay tiền Ngân hàng chị không đồng ý, anh đánh đuổi chị. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, Đ sinh sống. Sau khi chị đi Anh M cũng không tìm chị, anh chỉ gọi điện bảo chị về nhưng chị xác định tình cảm không còn nên chị không quay lại chung sống với Anh M. Nay Anh M xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung đúng như Anh M trình bày. Ly hôn chị đồng ý để Anh M nuôi con Bình chị không phải cấp dưỡng, hai con lớn đã trưởng thành tự lập về kinh tế.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung nhưng chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì công việc làm ăn, chị không đến tham gia phiên tòa được, chị D xin được vắng mặt tại phiên Tòa đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh M có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn chị D tại Tòa án Đông Hưng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Chị D, Anh M vắng mặt lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, Anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được trên một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Thời gian chung sống nhiều lần chị D bỏ đi, sau vì con chị lại quay về chung sống nhưng vợ chồng không tránh khỏi mâu thuẫn. Nay Anh M xin ly hôn, chị D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn,

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của Anh M xử cho anh được ly hôn chị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, hai con lớn đã trưởng thành tự lập về kinh tế, con thứ ba là Trần Xuân B sinh ngày 02/8/2003. Cháu B có nguyện vọng xin được ở với Anh M. Nay chị D, Anh M đều thống nhất Anh M tiếp tục nuôi dạy con Bình. Do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của của Anh M, chị D giao con chung Trần Xuân Bình cho Anh M nuôi dạy đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của Anh M không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

[5] Về án phí: Anh M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tuyên xử.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Xuân M được ly hôn chị Nguyễn Thị D

2/ Về con chung: Anh M trực tiếp nuôi dạy con chung là Trần Xuân B sinh ngày 02/8/2003 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận tự nguyện của Anh M không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hai bên được quyền chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Anh M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000đ Anh M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007403 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKS huyện Đông Hưung
- Thi hành án Dân sự Đông Hưng
- UBND xã U
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

(ĐÃ KÝ)

Hà Thị Nhung